

## **BÁO CÁO**

**Tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 01/7/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ tư, khóa XIX về đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị**

-----

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Tỉnh ủy báo cáo việc thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 01/7/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ tư, khóa XIX về đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị (*sau đây viết tắt là Nghị quyết 02*) như sau:

### **I. Kết quả tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và cụ thể hóa, thể chế hóa thực hiện Nghị quyết 02**

#### **1. Về tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết 02**

Ngay sau khi Tỉnh ủy (khóa XIX) ban hành Nghị quyết 02, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận, nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của Nghị quyết và vấn đề đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị quán triệt Nghị quyết 02 cho 245 cán bộ chủ chốt của tỉnh; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã biên soạn và phát hành 3.620 cuốn tài liệu hỏi - đáp, giúp cán bộ, đảng viên nghiên cứu sâu nội dung cơ bản của Nghị quyết 02 và phục vụ học tập, quán triệt, tuyên truyền trong toàn tỉnh, tổ chức Hội nghị quán triệt cho 165 đồng chí là lãnh đạo ban tuyên giáo, tuyên huấn các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và đội ngũ báo cáo viên cấp huyện; các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã tổ chức triển khai học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết 02 ở địa phương. Kết quả, có 93,05% cán bộ, đảng viên toàn tỉnh tham gia học tập, quán triệt Nghị quyết 02.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ban, ngành, các địa phương tương ứng với từng ngành, từng lĩnh vực nghiêm túc triển khai thực hiện việc rà soát, xây dựng kế hoạch để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị nhằm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết đã đề ra; chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương

định kỳ 6 tháng, 01 năm tổng hợp đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, từ đó đề ra giải pháp khắc phục, sớm triển khai hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Nghị quyết.

## **2. Về cụ thể hóa, thể chế hóa triển khai thực hiện Nghị quyết 02**

Thực hiện Nghị quyết 02, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 30/9/2016 về Đề án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 phê duyệt Đề án Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 -2020 làm cơ sở, định hướng triển khai thực hiện Nghị quyết.

Các sở, ban, ngành của tỉnh, các huyện, thị, thành phố đã ban hành kế hoạch, chương trình thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị.

## **II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu**

### **1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu**

#### ***1.1. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ về phát triển hạ tầng giao thông***

##### **a) Kết quả đạt được:**

Hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh đến nay đã được đầu tư phát triển tương đối đồng bộ, đáp ứng được tình hình phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đi lại của Nhân dân; các tuyến đường hiện nay về cơ bản đã đảm bảo kết nối giữa tỉnh Quảng Ngãi với các tỉnh trong khu vực; đảm bảo kết nối trung tâm của tỉnh tới trung tâm các huyện, khu kinh tế và các khu công nghiệp. Đến nay, đã nhựa hóa, cứng hóa 3.227/3.618 km, đạt 89,2%; trong đó, đường tỉnh 419/419 km, đạt 100% (*đạt chỉ tiêu Nghị quyết*); đường huyện 1.155/1.351 km, đạt 85,5% (*vượt 0,5% so với chỉ tiêu Nghị quyết*); đường đô thị 280/290 km, đạt 96,6%; đường xã 1.373/1.558 km, đạt 88,1% (*vượt 23,1% so với chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Nguồn vốn của Trung ương và của tỉnh đầu tư hoàn thành các dự án: Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1 (đoạn Dốc Sỏi - Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP); Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 24 (đoạn Phô Phong - thị trấn Ba Tơ); Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (giai đoạn 1); Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây tỉnh Quảng Ngãi (đoạn Long Môn - Sơn Kỳ); Đường Sơn Liên - cầu Tà Meo, Eo Chim - Trà Nham - Dốc Bình Minh; đoạn còn lại của

tuyến Sơn Hà - Sơn Tây; cảng Bến Đình; sửa chữa bến cập tàu đảo Bé; cầu Cổ Lũy.

Đang triển khai thi công các dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Quảng Ngãi - Chợ Chùa (đạt 81,6% giá trị hợp đồng); Nâng cấp, mở rộng ĐT.624B (Quán Lát - Đá Chát) (đạt 74,7% giá trị hợp đồng); Nâng cấp, mở rộng tuyến Quảng Ngãi - Thạch Nham (giai đoạn 2) (đạt 55,2% giá trị hợp đồng) và dự án đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn II (đang triển khai thiết kế bản vẽ thi công).

- Huy động nguồn lực xã hội đầu tư hoàn thành, đưa vào sử dụng Bến xe mới Quảng Ngãi, 03 Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới<sup>1</sup>; 06 tàu khách siêu tốc phục vụ vận chuyển hành khách tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn đảm bảo phục vụ nhu cầu đi lại của Nhân dân và khách đến tham quan, du lịch trên đảo Lý Sơn; 13 phương tiện vận tải phục vụ hành khách tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé (xã An Bình).

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân:

- Một số dự án trực đường quan trọng chậm triển khai thực hiện như dự án: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 24B (đoạn qua trung tâm huyện lỵ mới Sơn Tịnh); Đường Tịnh Phong - cảng Dung Quất II, giai đoạn 1; nguyên nhân do nguồn vốn của Trung ương không có kế hoạch bố trí vốn cho các dự án trong giai đoạn 2016 - 2020. Việc huy động nguồn lực xã hội đầu tư hạ tầng và các dịch vụ trên bờ phục vụ hoạt động tại cảng Sa Kỳ, cảng Bến Đình; bãi đậu xe công cộng tại các trung tâm kinh tế, thương mại; dự án Trạm dừng nghỉ kết hợp bến xe khách thị xã Đức Phổ gặp nhiều khó khăn.

- Một số công trình giao thông chậm trễ tiến độ như: Nâng cấp đường Quảng Ngãi - Chợ Chùa, ĐT.624B (Quán Lát - Đá Chát), ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham) giai đoạn 2; nguyên nhân chính dẫn đến chậm trễ là do vướng mắc trong công tác GPMB.

## ***1.2. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ về phát triển hạ tầng đô thị***

a) Kết quả đạt được:

- Ngân sách nhà nước đầu tư hoàn thành các dự án: Đường bờ Nam sông Trà Khúc, đường Nguyễn Trãi (giai đoạn 2); đường Nguyễn Công Phương (giai đoạn 2); cầu Thạch Bích; Trung tâm hành chính công cấp tỉnh. Đã ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đưa huyện Đức Phổ trở thành thị xã trực thuộc tỉnh (đạt đô thị loại IV) và 11 đô thị loại V và tương đương (gồm: Lý Sơn, Ba Tư, Minh Long, Trà Xuân, Chợ Chùa, La Hà, Mộ Đức, Di Lăng, Châu Ô, Vạn Tường và Sông Vệ).

<sup>1</sup> Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 76-02D (tại huyện Tư Nghĩa); Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 76-03D (tại Dung Quất, Bình Sơn); Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 76-04D (tại Hành Thuận, Nghĩa Hành)

Đang triển khai thi công Khu đô thị mới phục vụ tái định cư khu II Đê Bao đạt 50% hợp đồng (trước đây là Khu dân cư phục vụ tái định cư Khu II Đê Bao thành phố Quảng Ngãi); tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tại các đô thị trên địa bàn tỉnh như: đô thị thành phố Quảng Ngãi được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng 27 tuyến đường nội thành, với tổng chiều dài 15km, nâng tổng số tuyến đường đã đầu tư xây dựng 157/184 tuyến đường có tên trong quy hoạch; đang từng bước đầu tư cơ sở hạ tầng trung tâm huyện lỵ mới Sơn Tịnh; trung tâm huyện lỵ Sơn Tây.

- *Huy động nguồn lực xã hội đầu tư:*

+ Đang triển khai thi công: đường Chu Văn An (đạt 20% hợp đồng); nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sạch thành phố Quảng Ngãi, đã phê duyệt quy hoạch các đô thị 2 bên bờ sông Trà Khúc để kêu gọi đầu tư.

+ Đang triển khai các dự án khu đô thị, khu dân cư như: An Phú Sinh, Phú Mỹ, Bắc Lê Lợi, Nam Lê Lợi, khu dân cư Sơn Tịnh, Khu Đô thị - Dịch vụ VSIP, khu dân cư Nam Hai Bà Trưng (giai đoạn 1), khu đô thị Bàu Giang, cho chủ trương đầu tư trên 51 dự án khu đô thị, khu dân cư, khu đô thị mới, với tổng kinh phí đăng ký đầu tư trên 10.713 tỷ đồng.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân:

- Đô thị Vạn Tường, thị trấn Châu Ổ mở rộng, thị trấn Di Lăng chưa đạt đô thị loại IV (mới đạt đô thị loại V), nguyên nhân do quy mô, mật độ dân số chưa đạt<sup>2</sup> và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tại khu vực nội thị không đạt các tiêu chuẩn phân loại đô thị theo quy định; các đô thị: Minh Long, Sơn Tây chưa trở thành thị trấn trực thuộc huyện theo chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, nguyên nhân cơ sở hạ tầng chưa được hoàn thiện, tỷ lệ hộ nghèo cao (người dân chủ yếu là dân tộc thiểu số), tỷ lệ hộ phi nông nghiệp thấp, thiếu công viên - cây xanh và một số tiêu chí khác không đảm bảo.

- Chưa triển khai thực hiện bằng nguồn lực xã hội hóa đường Phan Đình Phùng nối dài (đoạn từ đường Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi qua huyện Tư Nghĩa), nguyên nhân do đường này nằm trong dự án Khu đô thị Bàu Giang, chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng bổ sung quy hoạch sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa; khu đô thị sinh thái Thiên Tân, nguyên nhân trong quá trình thực hiện dự án, các văn bản quy phạm pháp luật quy định đối với dự án theo hình thức BT có nhiều thay đổi, dẫn đến dự án dừng triển khai thực hiện. Các dự án

<sup>2</sup> Theo NQ số 1210/NQ-2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định: Đối với đô thị loại IV thì quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 50.000 người trở lên; khu vực nội thị đạt từ 20.000 người trở lên. Hiện tại dân số đô thị Di Lăng là 9.559 người; dân số thị trấn Bình Sơn là 17.701 người, dân số đô thị Vạn Tường là 10.687 người

khu đô thị An Phú Sinh, Phú Mỹ, Khu dân cư Sơn Tịnh triển khai thực hiện chậm tiến độ đến nay vẫn chưa hoàn thành.

- Thiếu quỹ đất tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng của các dự án, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của nhiều dự án

- Chưa dành quỹ đất 20% để xây dựng nhà ở xã hội trong các dự án khu dân cư, khu đô thị do doanh nghiệp làm chủ đầu tư (đối với dự án có quy mô trên 10ha), một số dự án chưa quan tâm đúng mức đến việc đầu tư các công trình phúc lợi công cộng, cung cấp các dịch vụ điện, nước...

- Đầu tư các dự án xử lý rác thải còn bị động; thiếu những khu vui chơi giải trí có quy mô lớn ở trung tâm thành phố Quảng Ngãi.

- Một số dự án triển khai còn dở dang, chưa khớp nối đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật nên công tác duy tu, bảo dưỡng chưa thực hiện theo đúng quy định.

- Việc huy động các nguồn lực ngoài nguồn vốn ngân sách để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng còn hạn chế.

### ***1.3. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ về phát triển hạ tầng khu công nghiệp***

a) Kết quả đạt được:

- Ngân sách nhà nước đầu tư hoàn thành các dự án: Đường Võ Văn Kiệt; Cầu Trà Bồng; Đường số 3 Khu công nghiệp Tịnh Phong; Khu tái định cư phục vụ dự án mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Kè chắn cát cảng Dung Quất; các hạ tầng kỹ thuật khác (*như dự án: Đường số 6 KCN Tịnh Phong, Mặt đường, vỉa hè, điện chiếu sáng đường số 8 KCN Tịnh Phong, Hệ thống xử lý nước thải KCN Tịnh Phong, Kênh thoát nước đoạn cuối đường Võ Văn Kiệt*) đã tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh.

+ Đang triển khai thi công các dự án: Tuyến đường trục vào KCN Dung Quất phía Đông (*đạt 37% khối lượng*); tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1 (*đạt 40% khối lượng*); tuyến đường nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường (*đạt 75% khối lượng*);

- *Huy động nguồn lực đầu tư:*

+ Đã thu hút một số dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, cảng biển tại Khu kinh tế Dung Quất như: Dự án Khu Đô thị - Công nghiệp Dung Quất của Công ty Cổ phần Hoàng Thịnh Đạt với tổng vốn đăng ký đầu tư là 2.025 tỷ đồng; 02 dự án đầu tư kinh doanh cảng với tổng vốn đăng ký đầu tư 3.809 tỷ đồng (*Dự án Bến cảng tổng hợp - Container Hoà Phát Dung Quất do Công ty Cổ phần Cảng tổng hợp Hoà Phát làm chủ đầu tư và Bến tàu lai dắt và tàu chuyên ngành dầu khí do Công ty Cổ phần dịch vụ dầu khí PTSC làm chủ đầu tư*).

+ Đã chú trọng đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh (tổng kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 là 196,411 tỷ đồng), tạo điều kiện thuận lợi trong thu hút đầu tư và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp tại cụm công nghiệp. Toàn tỉnh hiện có 23 cụm công nghiệp với diện tích 329 ha, trong đó 18 cụm công nghiệp đã đầu tư xây dựng và thu hút được 139 dự án, vốn đăng ký đầu tư khoảng 2.525 tỷ đồng; 88 dự án đi vào hoạt động<sup>3</sup>, giải quyết việc làm cho khoảng 3.850 lao động, góp phần làm tăng giá trị sản xuất công nghiệp, tăng thu ngân sách của địa phương, phân bổ lại lực lượng sản xuất, tận dụng lợi thế nguồn nguyên liệu trong chế biến và giải quyết việc làm tại chỗ.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân:

- Công tác bồi thường, GPMB, tái định cư còn nhiều vướng mắc, dẫn đến quá trình thực hiện nhiều dự án kéo dài.

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án Bến cảng tổng hợp - container Hòa Phát Dung Quất gặp khó khăn, vướng mắc trong công tác GPMB vì chưa thể bố trí tái định cư cho người dân trong vùng dự án.

- Chưa triển khai thực hiện các dự án: Đường Dốc Sỏi - phía Nam Sân bay Chu Lai (*do còn vướng mắc quy hoạch sân bay Chu Lai nên tỉnh Quảng Nam chưa thực hiện quy hoạch*); Đường nối KKT Dung Quất 1 và Dung Quất 2 (*do dự án chưa cân đối được nguồn vốn để thực hiện nên UBND tỉnh cho chủ trương tạm dừng và quyết toán chi phí chuẩn bị đầu tư*); các tuyến đường trục vào KCN Dung Quất phía Tây (*do các dự án đầu tư tại KCN Dung Quất phía Tây chậm triển khai*).

- Chưa triển khai hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án: Tuyến đường trục chính nối trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường, Đường Trì Bình - Cảng Dung Quất (*do vướng bồi thường, GPMB*); 02 tuyến đường gom Quốc lộ 1A D3 và D4 (*do vướng mặt bằng đoạn tuyến D3, công trình đã tạm ngừng thi công năm 2016 và Công ty TNHH VSIP chưa có kế hoạch giải quyết đoạn tuyến trên*); Kè chống sạt lở kết hợp đường cứu hộ cứu nạn di dân tái định cư, neo đậu tàu thuyền - đập Cà Ninh hạ lưu sông Trà Bồng phục vụ tại KKT Dung Quất, huyện Bình Sơn (*do vướng công tác GPMB; một số hạng mục điều chỉnh, bổ sung nhưng chưa được phê duyệt*).

- Việc kêu gọi nhà đầu tư thực hiện đầu tư vào Khu công nghiệp Phổ Phong và các dự án xử lý nước thải gặp nhiều khó khăn.

<sup>3</sup> Các ngành nghề sản xuất chính tại các CCN gồm: Dăm gỗ nguyên liệu giấy, chế biến gỗ; dệt may, gạch ngói không nung, nha Glucose công nghiệp, phân bón NPK, phân vi sinh, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, tấm lớp Fibrocement, giấy cuộn kraft các loại, đũa tre tiện dụng, bánh tráng, tinh dầu trầm hương, chế biến muối tinh và I ôit, sản xuất thùng xốp EPS,...

#### **1.4. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ về phát triển hạ tầng thương mại**

a) Kết quả đạt được:

Thực hiện việc kêu gọi xã hội hóa, giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh đã đầu tư phát triển mới và đưa vào hoạt động 02 trung tâm thương mại (*Trung tâm thương mại Vincom Plaza Quảng Ngãi và Trung tâm thương mại và Siêu thị Hùng Cường Big C*), 02 siêu thị (*Siêu thị Vinmart Quảng Ngãi và Siêu thị EB Quảng Ngãi*), 03 chợ (*chợ Mới huyện Sơn Tịnh, chợ Thạch Trụ tại huyện Mộ Đức và chợ Sa Huỳnh tại thị xã Đức Phổ*). Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 02 Trung tâm thương mại hạng III; 08 siêu thị gồm: 02 siêu thị hạng I, 01 siêu thị hạng II và 05 siêu thị hạng III; 146 chợ gồm: 03 chợ hạng I, 10 chợ hạng II và 133 chợ hạng III.

Về cơ chế chính sách: Đã ban hành Quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình kinh doanh, khai thác và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quy định phân cấp quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân:

- Ngân sách nhà nước đầu tư phát triển hạ tầng thương mại rất ít, đặc biệt hạ tầng thương mại ở nông thôn miền núi; việc kêu gọi xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng thương mại nông thôn, miền núi gặp nhiều khó khăn do đầu tư ít mang lại lợi nhuận, chậm thu hồi vốn, dẫn đến triển khai chưa đạt so với quy hoạch.

- Quy hoạch hạ tầng thương mại bị thay đổi, điều chỉnh cho các dự án khác đặc biệt là các dự án bất động sản, dẫn đến phá vỡ quy hoạch đã được phê duyệt.

- Các địa phương gặp rất nhiều khó khăn trong việc vận động các hộ tiểu thương buôn bán tại các chợ tạm vào chợ truyền thống để kinh doanh buôn bán; nguyên nhân chủ yếu là khi đầu tư xây dựng chợ, chính quyền địa phương không điều tra, khảo sát, lấy ý kiến của người dân, hộ tiểu thương và các sở, ngành chức năng; dẫn đến đầu tư xây dựng chợ ở vị trí không thuận tiện, thiết kế chợ không phù hợp với thói quen mua bán, tiêu dùng của các hộ tiểu thương, người dân.

#### **1.5. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ về phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu**

a) Kết quả đạt được:

- Ngân sách nhà nước đầu tư hoàn thành một số dự án: Đê bao ứng phó biến đổi khí hậu khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông Bắc thành phố Quảng Ngãi; Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu Sông Thoá; Cảng cá, trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ; Đường cơ động kết hợp kè biển chống sạt lở xã An Bình (Lý Sơn); Sửa chữa nâng cấp 20 hồ chứa nước thủy lợi<sup>4</sup>.

- Đang triển khai thực hiện một số dự án: Tuyển đê biển thôn Thạnh Đức, phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ; kiên cố hóa 684,4 km kênh mương nội đồng; Đê kè Hòa Hà (đạt 95%); Nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nham (sửa chữa, nâng cấp Kênh chính Bắc, 10 tuyến kênh cấp I và nhà quản lý đầu mối Thạch Nham); Vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn (giai đoạn 2) (đạt 92% hợp đồng); Tiểu dự án Hợp phần di dân, tái định cư hồ chứa nước Nước Trong; Đập ngăn mặn Trà Bồng; Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước; Tuyển đê biển thôn Thạnh Đức, phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ; Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm cho nông nghiệp đảo Lý Sơn.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân:

- Một số dự án chưa triển khai thực hiện theo Nghị quyết do nguồn lực ngân sách nhà nước chưa bố trí để đầu tư, gồm: Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Cổ Lũy (giai đoạn 1); Khu neo đậu và sửa chữa tàu thuyền thôn Mỹ Tân, xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn; Khu neo đậu tàu thuyền, tránh bão tại Sa Cần, Sa Huỳnh, Sa Kỳ, Cửa Đại, Cửa Lở; đầu tư hạ tầng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ để thu hút đầu tư.

- Nguồn kinh phí để đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi, thủy sản chưa đáp ứng yêu cầu; tiến độ triển khai thực hiện một số dự án còn chậm như: Vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn giai đoạn 2; Đập ngăn mặn Trà Bồng; Tiểu dự án Hợp phần di dân, tái định cư hồ chứa nước Nước Trong.

- Khó khăn trong việc kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch; phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, hệ thống luồng lạch, vũng neo đậu tàu thuyền, cảng biển; cơ sở bảo quản, chế biến hải sản; các dự án xử lý nước thải, rác thải, xử lý môi trường, cấp nước sạch, khu dân cư vùng nông thôn, miền núi, ven biển, đảo. Nguyên nhân việc đầu tư các lĩnh vực trên chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao, chậm thu hồi vốn đầu tư nên không thu hút được nhà đầu tư.

<sup>4</sup> Gồm: Cây Bứa, Tân An, Hố Sâu, Lỗ Thùng, Hố Môn, Đá Bàn, Hố Lùng, Ao Gió, Phước Hòa, Hố Tạc, Đập Làng, Hóc Cơ, Cây Khế, Hóc Khế, Liên Trì, An Phong, Gò Lang, Hố Đá, Hóc Bứa, Hố Hiều



## **1.6. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ về phát triển hạ tầng cung cấp điện**

a) Kết quả đạt được:

- *Ngân sách nhà nước đầu tư:*

Đang triển khai dự án cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2020 (*cấp điện cho 624 thôn, bản thuộc 126 xã của 12 huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*), trong đó đầu tư xây dựng mới các trạm biến áp phân phối và các đường dây trung, hạ áp, cấp điện lưới quốc gia cho các thôn chưa có điện, tổng mức đầu tư 806.043 triệu đồng (ngân sách Trung ương và ODA 85%, vốn ngân sách tỉnh 15%); đầu tư cấp điện cho 6.357 hộ của 14 xã thuộc huyện Ba Tơ, 13 xã thuộc huyện Sơn Hà. Hiện nay, 173/173 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã có điện, đạt tỷ lệ 100%, tổng số hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn trên địa bàn tỉnh là 325.888/354.400 hộ, đạt tỷ lệ 99,6%; tỷ lệ hộ dân khu vực thành thị có điện là 100%, tỷ lệ hộ khu vực miền núi có điện là 99,5% (*chỉ tiêu Nghị quyết là 100%*).

- Huy động nguồn lực xã hội đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng 04 dự án thủy điện: Thủy điện Sơn Tây, Sơn Trà 1, Đăk Re, Kà Tinh 1 với tổng vốn thực hiện khoảng 4.750 tỷ đồng; hiện có 18 dự án thủy điện với tổng công suất 293,6 MW đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư với tổng vốn khoảng 9.611 tỷ đồng, trong đó có 09 dự án đang thực hiện đầu tư (*Kà Tinh 2, Sơn Trà 1C, Thạch Nham, Thượng Sơn Tây, Sông Liên 1, Trà Phong, Cụm thủy điện Tây Trà, Nước Long, Đăk Ba*), 09 dự án đang lập thủ tục chuẩn bị đầu tư (*Trà Khúc 1, Đăkđrinh 2, Đăkre 2, Ba Vì, Sông Liên 2, Long Sơn, Sơn Nham, Sơn Linh, Trà Khúc 2*). Hoàn thành đưa vào sử dụng 02 dự án Điện năng lượng mặt trời tại xã Đức Minh, huyện Mộ Đức và xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn với tổng vốn đầu tư khoảng 1.938 tỷ đồng. Đánh giá đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân:

- Các dự án đầu tư vào Khu công nghiệp VSIP, Khu kinh tế Dung Quất bị giãn tiến độ, tỉ lệ lấp đầy các khu công nghiệp đạt thấp kéo theo việc xây dựng các dự án cấp điện theo quy hoạch chậm được triển khai. Nguyên nhân do công tác bồi thường, GPMB của các dự án trên địa bàn gặp nhiều vướng mắc; bên cạnh đó, trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên hoạt động xúc tiến đầu tư gặp rất nhiều khó khăn; một số dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thể triển khai lập dự án đầu tư theo đúng tiến độ đã cam kết; các doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nên chưa thể mở rộng đầu tư...

- Một số dự án lưới điện truyền tải, phân phối, lưới điện hạ thế trên địa bàn tỉnh đầu tư còn chậm, chưa đúng tiến độ theo Quy hoạch được duyệt do thiếu vốn; thực hiện đầu tư kéo dài do vướng mắc công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (bắt cập trong các văn bản pháp luật về bồi thường).

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương còn hạn chế, do đó chưa đạt được mục tiêu của dự án cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2020.

### ***1.7. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ về phát triển hạ tầng giáo dục, đào tạo***

a) Kết quả đạt được:

- *Ngân sách nhà nước đầu tư:*

Đã bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 cho ngành Giáo dục là 400 tỷ đồng, đầu tư hơn 90 trường học; trong đó, đầu tư xây dựng phòng học, phòng bộ môn và nhà vệ sinh tại 6 trường THCS ở các huyện: Mộ Đức, Tư Nghĩa, Bình Sơn, thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi; hoàn thành 27 công trình xây dựng, sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp các trường phổ thông dân tộc bán trú miền núi ở 5 huyện miền núi Trà Bồng, Sơn Tây, Sơn Hà, Ba Tơ và Minh Long; hoàn thành nâng cấp, mở rộng Trường Chính trị tỉnh; sửa chữa, nâng cấp trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm; thiết bị phòng thí nghiệm sinh - hóa - môi trường, Trường Đại học Phạm Văn Đồng. Đánh giá đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

- Huy động nguồn lực xã hội đầu tư: Đã kêu gọi đầu tư và hoàn thành, đưa vào sử dụng Thành phố Giáo dục Quốc tế (IEC) và một số cơ sở giáo dục tư nhân.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân:

- Chưa huy động được nguồn lực xã hội đầu tư Trường Đại học Phạm Văn Đồng (giai đoạn 2); chưa khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề chất lượng cao; chưa thực hiện thí điểm chuyển đổi một số cơ sở giáo dục, đào tạo công lập (kể cả đào tạo nghề) cho doanh nghiệp quản lý và đầu tư phát triển.

- Chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp; cơ sở vật chất phục vụ dạy và học còn thiếu và lạc hậu, nhất là ở vùng cao, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Nguyên nhân do ngân sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu, có lúc thiếu hiệu quả.

### ***1.8. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ về phát triển hạ tầng y tế***

a) Kết quả đạt được:

- *Ngân sách nhà nước đầu tư:*

Đã thi công hoàn thành các dự án: Bệnh viện Sản Nhi; Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn 2); xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh; xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tập trung tỉnh; xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp 40 Trạm y tế xã, phường, thị trấn; nâng cấp mở rộng các Trung tâm y tế huyện: Ba Tơ, Tây Trà, Trà Bồng, Sơn Tây, Mộ Đức; hoàn thành Bệnh viện Lao, bệnh Phổi tỉnh và Trung tâm Mắt tỉnh; Trung tâm Nội tiết tỉnh. Đang tiếp tục thi công sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện Tâm thần tỉnh. Đánh giá cơ bản đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

- *Huy động nguồn lực xã hội đầu tư:*

Hoàn thành đưa vào sử dụng Bệnh viện đa khoa Phúc Hưng; Bệnh viện Mắt kỹ thuật cao Quảng Ngãi. Đang triển khai xây dựng Khu dịch vụ chất lượng cao Bệnh viện đa khoa tỉnh, với quy mô 500 giường bệnh. Đánh giá cơ bản đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân:

- Chưa triển khai đầu tư các dự án: Dự án Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi lên hạng I; Khoa ung bướu Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Trung tâm y tế dự phòng tỉnh; chưa thực hiện đầu tư Trung tâm y tế Quân - Dân y kết hợp huyện Lý Sơn; Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh do không được bố trí vốn thực hiện (*một số dự án đã được phê duyệt đầu tư nhưng không được giao vốn*).

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ cho việc khám và điều trị bệnh còn thiếu, nhất là trạm y tế xã, phường; hệ thống và mạng lưới y tế công lập chưa hoàn chỉnh; nguồn nhân lực y tế, nhất là bác sĩ còn thiếu so với nhu cầu, chất lượng chưa cao; việc xã hội hóa đầu tư phát triển dịch vụ y tế chất lượng cao, hạ tầng hiện đại chưa nhiều.

### ***1.9. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ về phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch***

a) Kết quả đạt được:

- *Ngân sách nhà nước đầu tư:*

Đã hoàn thành đưa vào sử dụng: Nhà thi đấu đa năng tỉnh Quảng Ngãi, Bảo tồn và phát huy Khu di chỉ văn hóa Sa Huỳnh, đường trục chính Khu du lịch Sa Huỳnh (nổi dài); Khu lưu niệm Bác Phạm Văn Đồng, giai đoạn 2; Đường trục chính và điện chiếu sáng khu du lịch Mỹ Khê, cơ bản hoàn thành đường bờ Đông sông Kinh Giang (nổi dài). Đang triển khai thi công Khu du lịch văn hóa Thiên Ân (đạt 60% khối lượng). Đánh giá cơ bản đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hồ sơ nâng hạng di tích khởi nghĩa Ba Tơ lên di tích cấp Quốc gia đặc biệt tại Quyết định số 2082/QĐ-TTg ngày 25/12/2017.

- *Huy động nguồn lực đầu tư:*

Đã hoàn thành các khu du lịch, nghỉ dưỡng như: Khu du lịch Sa Huỳnh, Mỹ Khê, Bãi Dừa (Cocoland), Suối khoáng nước nóng Nghĩa Thuận, Khu du lịch Suối Chí, Thác Trắng Minh Long... đã góp phần nâng cao phục vụ nhu cầu khách du lịch đến tham quan.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân:

- Chưa huy động được nguồn lực xã hội đầu tư các dự án: Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Quảng Ngãi, các khu vui chơi, giải trí, các khu, điểm du lịch: Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Lý Sơn, Thiên Đàng, Bình Châu, Cà Đam; dự án Công viên Thiên Bút dừng thực hiện.

- Hiện nay vẫn chưa triển khai thi công hoàn thành dự án Khu du lịch văn hóa Thiên Ân do dự án vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB tại nút giao thông đầu tuyến.

- Hạ tầng du lịch chưa được đầu tư nhiều, còn thiếu các điểm vui chơi, giải trí có quy mô lớn. Chưa thu hút đầu tư mạnh để xây dựng các khu dịch vụ du lịch sinh thái gắn với xây dựng khu đô thị mới để phục vụ nhu cầu của Nhân dân.

- Khó khăn trong việc huy động nguồn lực xã hội hoá đầu tư hạ tầng phục vụ du lịch, các lĩnh vực văn hoá, thể dục, thể thao.

### ***1.10. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ về phát triển hạ tầng thông tin, truyền thông, khoa học - công nghệ***

a) Kết quả đạt được:

- Ngân sách nhà nước đầu tư hoàn thành một số dự án: Xây dựng trung tâm dữ liệu tỉnh; Đầu tư 01 phòng thử nghiệm khoa học - công nghệ theo hướng hiện đại<sup>5</sup>; Tăng cường tiềm lực về thiết bị kiểm định, kiểm nghiệm cho Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ Quảng Ngãi; triển khai hoàn thành giai đoạn 1 dự án tăng cường đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động các cơ quan Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025.

Bước đầu đã huy động được nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng các trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiên bộ khoa học - công nghệ, đã huy động

---

<sup>5</sup> Phòng thí nghiệm công nghệ sinh học cho Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp

được 06 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trong đó có doanh nghiệp khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân:

- Chưa đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bình Hòa (Dung Quất) do dự án không có tính khả thi; huy động nguồn lực xã hội trong lĩnh vực khoa học công nghệ còn quá thấp.

- Mặc dù hạ tầng công nghệ thông tin đã tăng lên mức khá, nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng tốt nhu cầu cho các đơn vị cấp tỉnh, huyện và xã; nhiều máy tính đã được trang bị từ lâu, tốc độ xử lý chậm; đối với cấp xã hạ tầng còn rất yếu không đáp ứng được nhiều cho việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin mở rộng từ tỉnh xuống huyện và xuống cấp xã.

- Năng lực cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ ở một số lĩnh vực như: cơ - điện tử, phân tích các chỉ tiêu chất lượng về nông lâm thủy sản và muối, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu chuyên sâu về công nghệ sinh học, sinh học phân tử, nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí, nuôi cấy tế bào động vật,... đặc biệt là trang thiết bị phục vụ kiểm định, thử nghiệm chưa được đầu tư đồng bộ; do vậy, một số hoạt động nghiên cứu chuyên ngành, đào tạo trên địa bàn tỉnh gặp rất nhiều khó khăn.

- Kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ còn thấp dẫn đến hoạt động nghiên cứu chuyên ngành, đào tạo trên địa bàn tỉnh gặp rất nhiều khó khăn; bên cạnh đó, chưa quan tâm đầu tư cho nguồn nhân lực để khai thác có hiệu quả hạ tầng thiết bị, máy móc.

## **2. Kết quả thực hiện các giải pháp chủ yếu**

***2.1. Kết quả thực hiện nhóm giải pháp về tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng của từng ngành, từng lĩnh vực***

a) Kết quả đạt được:

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch, thường xuyên rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng của từng ngành, lĩnh vực đảm bảo phù hợp với thực tế, có tính khả thi; thực hiện quy hoạch có tính chiến lược phát triển bền vững, đảm bảo sự gắn kết đồng bộ giữa các quy hoạch chi tiết của từng ngành, lĩnh vực với quy hoạch chung của tỉnh, công khai cho nhân dân biết, giám sát. Khắc phục tình trạng chông chéo, thiếu đồng bộ trong quy hoạch xây dựng với các quy hoạch ngành, quy hoạch nông thôn mới; ưu tiên cho các công trình mang tính động lực, các công trình giao thông kết nối các khu vực đô thị.

- Tỉnh Quảng Ngãi hiện có 13 đô thị, trong đó 1 thành phố loại II, 1 đô thị loại IV, 11 thị trấn, đô thị mới loại V và 03 trung tâm huyện lỵ, đến nay

đã hoàn thành phê duyệt quy hoạch chung cho tất cả các đô thị này. Từ năm 2016 đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt hơn 30 đồ án quy hoạch các loại, trong đó có một số đồ án quy hoạch quan trọng như: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi; Quy hoạch phân khu các khu vực của thành phố Quảng Ngãi; Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hai bên bờ sông Trà Khúc, Quy hoạch chi tiết công viên trung tâm của thành phố, Quy hoạch chi tiết Khu văn hóa Thiên Mã, Quy hoạch phân khu Tịnh Kỳ - Tịnh Hòa; điều chỉnh quy hoạch chung mở rộng thị trấn Đức Phổ, phê duyệt quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2000 huyện Lý Sơn... Ngoài ra, cũng đã lập và phê duyệt các quy hoạch hạ tầng kỹ thuật như: Quy hoạch cấp nước trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, Quy hoạch cốt nền và thoát nước mưa trên địa bàn tỉnh, Quy hoạch hệ thống thu gom và thoát nước thải trên địa bàn tỉnh làm cơ sở đầu tư xây dựng phát triển đô thị cũng như quản lý.

Có thể thấy, công tác quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị sớm được triển khai, đảm bảo tính đồng bộ, đầy đủ, là tiền đề tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, thu hút đầu tư và triển khai các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc:

- Tuy có tập trung chỉ đạo, song việc thực hiện điều chỉnh các quy hoạch, thực hiện quy hoạch của một số ngành, lĩnh vực còn chậm; chất lượng của một số đồ án quy hoạch chưa cao.

- Một số đồ án quy hoạch không thực hiện, trả lại đất cho dân nhưng chưa xem xét điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp nên gây ra không ít khó khăn cho công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

## ***2.2. Kết quả thực hiện nhóm giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng***

a) Kết quả đạt được

- Kịp thời ban hành Quyết định giao Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, theo đó xác định các danh mục công trình ưu tiên ngay từ đầu kế hoạch 5 năm, hàng năm, nhằm chủ động việc bố trí vốn đầu tư (của Chính phủ, của Bộ ngành trung ương v.v...) nhằm tập trung ưu tiên các dự án trọng tâm, trọng điểm có sức lan tỏa, thực hiện các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, tránh đầu tư dàn trải gây thất thoát, lãng phí.

- Đã kịp thời ban hành các Kế hoạch hành động và chỉ đạo triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; Kế hoạch tổ chức Hội nghị gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh; thường xuyên chỉ đạo kiểm tra, rà

soát, điều chỉnh, bổ sung thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng để thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh, đồng thời xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, trong đó chú trọng các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

- Ban hành danh mục dự án lựa chọn sơ bộ đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), theo đó có 31 công trình, dự án cần kêu gọi thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh, với tổng vốn đầu tư dự kiến là 11.954,3 tỷ đồng; theo đó, đã kêu gọi được một số dự án đầu tư theo hình thức PPP như: Công viên Thiên Bút; Nâng cấp đường cơ động đảo Lý Sơn; Trung tâm hội nghị tỉnh Quảng Ngãi; tuy nhiên, các dự án này chưa triển khai thực hiện được do Chính phủ ban hành quy định mới nên các dự án này phải dừng thực hiện.

- Thường xuyên tuyên truyền nâng cao ý thức, trách nhiệm của toàn xã hội đối với việc thực hiện quy hoạch, xây dựng và quản lý sử dụng kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quá trình phát triển hạ tầng của tỉnh, coi đây là nhiệm vụ chung của mỗi người và cả cộng đồng.

- Đã tổ chức lại các ban quản lý dự án theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 19/6/2015 của Chính phủ, gồm: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng: Các công trình Giao thông tỉnh; Công trình Công nghiệp và Dân dụng tỉnh.

#### b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản vẫn còn hạn chế.

- Công tác quản lý nhà nước về đô thị, nhất là về quản lý đất đai, đầu tư xây dựng theo quy hoạch có mặt chưa đảm bảo, vẫn còn tình trạng xây dựng trái phép, không phép, lấn chiếm vỉa hè, lòng lề đường...

### ***2.3. Kết quả thực hiện nhóm giải pháp về rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực xã hội vào phát triển hạ tầng***

#### a) Kết quả đạt được:

Đã ban hành các cơ chế, chính sách: Quyết định 224/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 Quy định về trình tự thủ tục thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số

79/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 Quy trình trình tự, thủ tục khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 Sửa đổi một số nội dung của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc:

- Mặc dù đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút nhà đầu tư nhưng việc huy động nguồn lực xã hội vào việc đầu tư kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh vẫn còn thấp.

- Vẫn chưa tạo quỹ đất sạch sẵn có để thu hút đầu tư.

#### ***2.4. Kết quả thực hiện nhóm giải pháp về huy động các nguồn vốn để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội***

a) Kết quả đạt được:

- Thực hiện linh hoạt việc lồng ghép các nguồn vốn, gồm: Trung ương, địa phương và huy động các thành phần kinh tế khác để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là quan tâm bố trí vốn thực hiện một số dự án giao thông quan trọng như: Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đoạn Dung Quất - Mỹ Khê, mở rộng Quốc lộ 1, cầu Cửa Đại; đường bờ Nam sông Trà Khúc, Cầu Thạch Bích, đường Lê Thánh Tôn, đường Nguyễn Trãi (giai đoạn 2), đường Nguyễn Công Phương (giai đoạn 2)...

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút nhà đầu tư đầu tư xây dựng các khu đô thị mới trên địa bàn như Khu đô thị và dịch vụ VSIP, An Phú Sinh, Phú Mỹ, Nam Lê Lợi, Bắc Lê Lợi, Khu dân cư Phú Gia và kết hợp chỉnh trang đô thị, Khu dân cư Tăng Long, Khu dân cư Mỹ Khê, Khu dân cư trục đường Mỹ Trà - Mỹ Khê, Khu dân cư Sơn Tịnh, Khu đô thị Bàu Giang... Các dự án tạo động lực thúc đẩy phát triển Khu kinh tế Dung Quất như: Xây dựng bến cảng chuyên dùng chung cho Khu kinh tế Dung Quất, xây dựng Bến cảng tổng hợp số 2, nâng công suất khai thác hệ thống cảng Dung Quất 1 trong thời gian đến lên hơn 22 triệu tấn/năm, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất, Dự án Khu Đô thị - Công nghiệp Dung Quất. Đã đầu tư 04 dự án thủy điện đi, 02 dự án Điện năng lượng mặt trời. Các dự án phục vụ du lịch như: Bãi Dừa (Cocoland), Suối khoáng nước nóng Nghĩa Thuận, Khu du lịch Suối Chí, Thác Trắng Minh Long... Đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng Bệnh viện đa khoa Phúc Hưng; Bệnh viện Mắt kỹ thuật cao Quảng Ngãi.

- Ngoài việc sử dụng nguồn vốn từ ngân sách, còn huy động vốn, nhân công của Nhân dân cùng thực hiện nhiều công trình, dự án quan trọng như kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nông thôn...



- Xây dựng hoàn thành Đề án hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thu Nhà máy lọc dầu Dung Quất cho tỉnh Quảng Ngãi để đầu tư cơ sở hạ tầng và giải quyết an sinh xã hội giai đoạn 2016 - 2020 để trình Chính phủ phê duyệt.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Thu ngân sách từ quỹ đất không ổn định, không đạt dự toán giao, ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch đầu tư công từ nguồn thu tiền sử dụng đất.

- Chưa khai thác tốt các nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính để đầu tư, nâng cấp, chỉnh trang và xây dựng đô thị, nên chưa có nhiều công trình hiện đại tạo điểm nhấn trong phát triển đô thị và các công trình, dự án mang tính chiến lược, thật sự là đòn bẩy để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Giá dầu trên thị trường tăng, giảm không ổn định nên việc xin cơ chế hỗ trợ từ nguồn thu Nhà máy lọc dầu Dung Quất thực hiện Đề án hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thu Nhà máy lọc dầu Dung Quất cho tỉnh Quảng Ngãi trong thời điểm này là rất khó khăn.

### **III. Đánh giá chung kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân**

#### **1. Đánh giá chung những kết quả đạt được**

Trong thời gian qua, cùng với sự quan tâm đầu tư của Trung ương, sự đoàn kết, nỗ lực của cả hệ thống chính trị và đóng góp của Nhân dân, đã huy động được nhiều nguồn lực để tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và đạt được những kết quả quan trọng. Hạ tầng giao thông đã có bước phát triển mạnh; hạ tầng đô thị, công nghiệp, thương mại được đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư và có bước chuyên biến tích cực; hạ tầng nông nghiệp, thủy lợi, ứng phó biến đổi khí hậu, điện, giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ, thông tin - truyền thông, văn hóa - thể thao - du lịch được quan tâm đầu tư, tạo ra diện mạo mới cho tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xóa đói giảm nghèo, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của Nhân dân.

#### **2. Những tồn tại, hạn chế**

Tuy nhiên, hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, đầu tư thiếu đồng bộ, chưa hiện đại, tính kết nối chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội kể cả trước mắt và lâu dài: Hạ tầng giao thông chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông thành phố Quảng Ngãi chậm kết nối. Hạ tầng đô thị chậm phát triển, việc triển khai thực hiện các dự án còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Hạ tầng thương mại, dịch vụ chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là khu vực nông thôn, miền núi.

Hạ tầng du lịch phát triển chậm. Hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp chậm hoàn thiện, ảnh hưởng đến quá trình phát triển, thu hút đầu tư. Hạ tầng công trình ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu còn yếu kém; hệ thống cấp, thoát nước còn bất cập, chất lượng nước thấp, nhiều vùng chưa có nước sạch sử dụng. Hạ tầng xã hội còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, hiệu quả sử dụng chưa cao. Một số dự án, công trình quan trọng chưa được đầu tư, chậm hoàn thành. Việc huy động nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng còn hạn chế; công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các công trình hạ tầng còn nhiều hạn chế nên chưa phát huy được hiệu quả đầu tư.

### **3. Nguyên nhân**

#### ***3.1. Nguyên nhân kết quả đạt được***

- Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy thông qua các buổi làm việc đã chỉ đạo tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc của từng dự án, công trình cụ thể.

- Sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành, địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển hạ tầng, nhất là công tác GPMB nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

- Sự đoàn kết, thống nhất và quyết tâm cao trong chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành trong tỉnh.

#### ***3.2. Nguyên nhân hạn chế, yếu kém***

##### **a) Nguyên nhân khách quan:**

- Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn hiện nay, nguồn vốn ngân sách nhà nước còn hạn chế không thể đáp ứng nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh<sup>6</sup>.

- Nguồn vốn bố trí cho công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông còn thấp so với nhu cầu.

- Quy định của pháp luật về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thường xuyên thay đổi theo hướng càng về sau càng có lợi, dẫn đến thắc mắc, so bì giữa các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi; một số quy định của Trung ương vẫn còn bất cập, mâu thuẫn.

- Các văn bản của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực xây dựng cơ bản, GPMB, quản lý đất đai luôn thay đổi đã ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện các dự án.

---

<sup>6</sup> Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020 theo Đề án phát triển KCHT, nhất là hạ tầng giao thông hạ tầng đô thị trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 là: 33.259.994 triệu đồng; Tổng vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020 khoảng 19.863.127 triệu đồng, chỉ đạt 60% so với nhu cầu

- Cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư vẫn chưa hấp dẫn, thủ tục còn rườm rà kéo dài thời gian thực hiện.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quyết liệt; thực hiện chưa đảm bảo trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư; việc theo dõi, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với những biến động trong quá trình sử dụng đất chưa kịp thời, chưa quyết liệt xử lý tình trạng lấn chiếm đất đai; một số ngành, đơn vị chưa phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ kịp thời với UBND cấp huyện trong việc giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB.

- Một số dự án chưa được công khai, minh bạch kịp thời, làm hoài nghi và gây mất niềm tin trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Sai phạm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác quản lý, sử dụng đất đai, tài chính ngân sách, dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền kết luận, xử lý.

- Chất lượng quy hoạch và thiết kế xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, thiếu tầm bao quát toàn diện và tính chiến lược dài hạn; tổ chức quy hoạch chưa thực sự hiệu quả; chưa huy động tốt các nguồn lực đầu tư để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, chủ yếu dựa vào vốn ngân sách nhà nước, quản lý đầu tư còn yếu; bố trí vốn đầu tư còn dàn trải. Năng lực một số chủ đầu tư, đơn vị tư vấn còn hạn chế; công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng sau đầu tư chưa được quan tâm đúng mức nên nhiều công trình nhanh xuống cấp

- Chỉ đạo thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng chưa đạt hiệu quả cao.

#### **IV. Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng**

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa nhà nước, nhà đầu tư và người dân. Trong đó, nguồn lực từ ngân sách nhà nước tập trung ưu tiên đầu tư các công trình, dự án quan trọng của tỉnh, có sức lan tỏa, tạo đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng mà các thành phần kinh tế khác không tham gia đầu tư (*chi tiết phụ lục kèm theo*).

##### **1. Về phát triển hạ tầng giao thông**

Ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông theo quy hoạch; các công trình quan trọng, thiết yếu ở thành phố Quảng Ngãi và các đô thị. Tập trung nguồn vốn ngân sách nhà nước để hoàn thiện các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 để sớm đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư. Trong đó:

- Đường bộ: Tập trung hoàn thành các dự án chuyển tiếp. Tranh thủ nguồn vốn của Trung ương và cân đối nguồn lực của tỉnh để đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giao thông đồng bộ, bảo đảm kết nối tỉnh Quảng Ngãi với các tỉnh trong khu vực; trong đó đầu tư hoàn thành đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn IIa; đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới các tuyến chính ra vào thành phố Quảng Ngãi kết nối đến trung tâm các huyện, khu công nghiệp, khu kinh tế, các khu, điểm du lịch; đầu tư hoàn thiện một số tuyến giao thông huyết mạch kết nối giữa các địa phương. Phấn đấu đến năm 2025, nhựa hóa, cứng hóa 100% đường huyện và 90% đường xã.

- Đường thủy và cảng biển: Huy động các nguồn lực tập trung đầu tư hoàn thành và đưa vào khai thác hệ thống cảng biển tại Khu kinh tế Dung Quất; xây dựng các tuyến đê biển, đường vành đai ven biển quan trọng phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế.

- Huy động nguồn lực đầu tư, nâng cấp các tuyến vận tải hành khách từ Sa Kỳ, Vạn Tường đến Lý Sơn, đảo Lớn - đảo Bé, huyện Lý Sơn. Thực hiện dự án nạo vét, chỉnh trị sông Trà Khúc.

## **2. Về phát triển hạ tầng đô thị**

- Đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị từng bước đồng bộ, hiện đại; đồng thời, dành quỹ đất cho giao thông theo quy định khi xây dựng các khu đô thị mới để cải thiện nhu cầu giao thông trong giai đoạn trước mắt và lâu dài.

- Phát triển thành phố Quảng Ngãi về hướng biển, đến năm 2025, đạt chuẩn đô thị loại II, đạt một số tiêu chí đô thị loại I; phấn đấu đến năm 2030 cơ bản đạt chuẩn đô thị loại I. Quan tâm đầu tư phát triển trung tâm huyện lỵ mới Sơn Tịnh và các đô thị trung tâm ở các huyện. Phấn đấu đến năm 2025, thị xã Đức Phổ đạt chuẩn đô thị loại IV và đạt một số tiêu chí đô thị loại III; xây dựng thị trấn Di Lăng thành trung tâm phát triển vùng phía Tây của tỉnh và đạt tiêu chí đô thị loại IV; phát triển huyện Bình Sơn đạt tiêu chí đô thị loại IV và tiến đến thành lập thị xã.

- Tập trung hoàn thành các công trình, dự án quan trọng ở thành phố Quảng Ngãi có tác dụng lan tỏa lớn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội như: Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc, mở rộng nút giao thông Ngã 5 cũ, Kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc; tiếp tục đầu tư và huy động nguồn lực đầu tư Công viên và một số hạng mục cần thiết tại khu vực núi Thiên Bút... Nghiên cứu xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo hướng đô thị xanh, đô thị thông minh. Huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng Công viên cây xanh và các khu vui chơi giải trí quy mô lớn.

- Quy hoạch phát triển đô thị du lịch ven biển, ven sông gắn với nạo vét, đầu tư hạ tầng để phục vụ phát triển cảnh quan đô thị dọc 2 bên sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi để kêu gọi nhà đầu tư đầu tư các khu du lịch, dịch vụ, vui chơi, nghỉ dưỡng cao cấp, hiện đại.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án khu dân cư, khu đô thị, tạo điểm nhân phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Quan tâm kêu gọi đầu tư phát triển nhà ở xã hội, nhất là nhà ở dành cho công nhân, người có thu nhập thấp ở các đô thị; đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải đô thị.

### **3. Về phát triển hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp**

- Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế. Thay đổi phương thức đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp từ chủ yếu sử dụng ngân sách nhà nước sang khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hình thức đối tác công tư (PPP). Trong đó, ưu tiên kêu gọi các nhà đầu tư đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất, Khu công nghiệp Phô Phong và các cụm công nghiệp; các dự án xử lý nước thải, rác thải tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đầu tư các dự án phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân và các hạ tầng xã hội thiết yếu (nhà trẻ, mẫu giáo, trường học, dịch vụ khám chữa bệnh...) phục vụ đời sống của công nhân đang làm việc trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi.

- Tập trung hoàn thành các dự án giao thông quan trọng, bảo đảm kết nối các trục phát triển chính trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Khu công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP 2 Quảng Ngãi, Khu công nghiệp - đô thị Dung Quất, Khu công nghiệp nhẹ Bình Hòa - Bình Phước; đầu tư xây dựng cụm cảng tổng hợp - container Dung Quất. Khẩn trương hoàn thành các khu tái định cư phục vụ nhu cầu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi các dự án, nhất là các dự án trọng điểm.

### **4. Về phát triển hạ tầng thương mại**

- Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, các siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, trung tâm hội chợ triển lãm, chợ đầu mối tại các đô thị lớn, đô thị trung tâm vùng như thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ, huyện Bình Sơn, huyện Sơn Hà, Khu kinh tế Dung Quất. Phát triển nhanh hệ thống thương mại điện tử.

- Khuyến khích, kêu gọi đầu tư vào hệ thống chợ, các cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng tiện lợi ở các địa phương với quy mô phù hợp; đẩy mạnh các loại hình dịch vụ, thương mại ở nông thôn, miền núi.

### **5. Về phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu**

- Xây dựng và củng cố hệ thống đê biển, đê sông, các công trình ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng thích ứng với biến đổi khí hậu, các khu neo đậu tránh trú bão, nhất là ở các địa phương ven biển, đảo. Đầu tư, nâng cấp hệ thống cảnh báo thiên tai, bão lũ, triều cường.

- Đầu tư, nâng cấp kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, các công trình cấp nước sinh hoạt phục vụ cho sản xuất và nhu cầu của người dân, góp phần thực hiện hoàn thành tiêu chí thủy lợi xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, tăng tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động bằng công trình thủy lợi.

- Huy động nguồn lực đầu tư phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, nhất là hệ thống vũng neo đậu tàu thuyền, cảng biển; cơ sở bảo quản, chế biến hải sản; các dự án xử lý nước thải, rác thải, xử lý môi trường, cấp nước sạch, khu dân cư vùng nông thôn, ven biển, đảo.

### **6. Về phát triển hạ tầng cung cấp điện**

- Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện phù hợp với quy hoạch, nâng cao chất lượng điện năng, độ tin cậy cấp điện; ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; thúc đẩy hoàn thành đưa vào khai thác các dự án thủy điện đã được cấp phép; phối hợp đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án điện khí trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất.

- Nghiên cứu áp dụng lưới điện thông minh, công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng lưới điện phân phối. Đầu tư cấp điện cho nông thôn, miền núi, phấn đấu đến năm 2025 có 100% số hộ dân toàn tỉnh có điện.

### **7. Về phát triển hạ tầng giáo dục, đào tạo**

- Phát triển hệ thống hạ tầng giáo dục, đào tạo từ mầm non đến đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo của tỉnh. Trong đó, tập trung đầu tư hạ tầng các trường cao đẳng nghề, đào tạo các ngành nghề phù hợp với nhu cầu của thị trường; đầu tư kiên cố hóa trường, lớp học thuộc hệ thống các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Huy động nguồn lực xã hội đầu tư Trường Đại học Phạm Văn Đồng (giai đoạn 2); khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề chất lượng cao. Nghiên cứu thực hiện thí điểm chuyển đổi

một số cơ sở giáo dục, đào tạo công lập (kể cả đào tạo nghề) cho doanh nghiệp quản lý và đầu tư phát triển.

### **8. Về phát triển hạ tầng y tế**

- Đầu tư hạ tầng y tế để từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ngang tầm với các tỉnh trong khu vực, phấn đấu đạt tối thiểu 32 giường bệnh trên 1 vạn dân vào năm 2025. Trong đó, tập trung đầu tư, nâng cấp một số công trình, dự án y tế quan trọng tại các đô thị trung tâm, khu vực đông dân cư và huyện Lý Sơn, khắc phục tình trạng quá tải ở bệnh viện cấp tỉnh.

- Kêu gọi đầu tư xây dựng các bệnh viện, phòng khám đa khoa, chuyên khoa, các dịch vụ khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân chất lượng cao; phát triển hệ thống y tế dự phòng; khuyến khích xã hội hóa từng phần các cơ sở khám, chữa bệnh nhà nước.

### **9. Về phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch**

Chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng hình thành trung tâm du lịch và khu du lịch trọng điểm; ưu tiên đầu tư một số công trình tiêu biểu về văn hóa, du lịch, thể dục, thể thao và các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở, đáp ứng nhu cầu vui chơi, rèn luyện sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ công tác huấn luyện, đào tạo và tổ chức các sự kiện thể thao lớn trong tỉnh và khu vực.

### **10. Về phát triển hạ tầng thông tin, truyền thông, khoa học - công nghệ**

- Đầu tư và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất của các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ; khuyến khích, hỗ trợ đầu tư xây dựng các trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, các khu công nghệ cao. Lựa chọn một số công trình quan trọng có sức lan tỏa, tạo đột phá để tập trung đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, bảo đảm phát triển đồng bộ, bền vững.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Huy động nguồn lực đầu tư: Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội tỉnh, các hệ thống khám chữa bệnh từ xa, học tập từ xa, chứng thực điện tử (không bao gồm chứng thực điện tử được thực hiện bởi cơ quan nhà nước); hạ tầng cáp quang đến 85% các hộ gia đình; phấn đấu thực hiện ngầm hóa 100% cáp viễn thông tại khu vực các đô thị, khu dân cư mới, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu vực các tuyến đường xây mới và tiến hành ngầm hóa một số tuyến cáp viễn thông trước đây khi có đủ điều kiện.

## **11. Về phát triển hạ tầng quốc phòng, an ninh**

Ngân sách nhà nước đầu tư các dự án đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật quốc phòng, an ninh từ tỉnh đến cơ sở phục vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh.

### **V. Các giải pháp chủ yếu**

#### **1. Nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng**

- Tập trung rà soát, lập quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng các ngành, lĩnh vực có tầm nhìn chiến lược, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, có tính liên kết và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, mang tính thực tế, khả thi để tích hợp vào quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời, xây dựng danh mục các công trình, dự án kết cấu hạ tầng để tập trung ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư.

- Nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu trong xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, bảo đảm hiệu quả và tính khả thi. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch và xử lý nghiêm các vi phạm quy hoạch.

#### **2. Đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả các các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng**

Cùng với nguồn vốn ngân sách, đẩy mạnh huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Trong đó:

- Tập trung huy động nguồn lực ngoài nhà nước tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là triển khai các biện pháp thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

- Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương; các nguồn vốn FDI, ODA và các nguồn vốn khác để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Khai thác tối đa nguồn từ quỹ đất để ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng.

#### **3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư kết cấu hạ tầng**

- Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; công khai, minh bạch các chính sách ưu đãi đến người dân, doanh nghiệp để kêu gọi thu hút đầu tư.

- Tăng cường cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm thông thoáng, thuận lợi, tạo sự đột phá trong thu hút nguồn



vốn từ khu vực tư nhân cho phát triển kết cấu hạ tầng. Ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp quản lý hiện đại trong việc tổ chức xây dựng, khai thác và quản lý các công trình kết cấu hạ tầng.

- Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế phân cấp đầu tư, phân bổ vốn để phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp.

- Có cơ chế, biện pháp tập trung ưu tiên thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, nhất là thực hiện tốt công tác tái định cư cho người dân bị ảnh hưởng để sớm bàn giao mặt bằng thực hiện các dự án.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cấp, các ngành, thường xuyên tổ chức gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại với người dân, doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong xã hội để mọi người dân ủng hộ và chia sẻ trách nhiệm với nhà nước trong đầu tư phát triển và duy tu, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng.

Nơi nhận:

- Các ban đảng Trung ương (báo cáo),
- Vụ địa phương Ban Kinh tế Trung ương (báo cáo),
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- C, PCVP Tỉnh ủy, P.Tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY**  
**BÍ THƯ**

**Bùi Thị Quỳnh Vân**

